

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/ 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ - Phó Hiệu trưởng Trường chuyên Thủ Khoa Nghĩa thành phố Châu Đốc.
2. Ông Phan Trọng Điền – Phó Giám đốc Trung tâm y tế thành phố Châu Đốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 346/2017/TLST - HNGĐ ngày 09/10/2017 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: [Chị Nguyễn Thị Vũ L \(Thu\)](#), sinh năm 1980; địa chỉ: [tổ 33, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh D](#);
2. Bị đơn: [Anh Kha Phú L1](#), sinh năm 1977; địa chỉ: [tổ 33, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh D](#).
3. Người làm chứng: [Chị Nguyễn Thị Vũ P](#), sinh năm 1977; địa chỉ: [tổ 33, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh D](#).

Bà L có mặt tại phiên tòa; ông L1, chị P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24/7/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Vũ L trình bày: Chị và anh L1 tự tìm hiểu yêu thương nhau. Năm 2000, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế (nay là phường Núi Sam) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2000, quyền số 01, ngày 18/12/2000. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể tiếp tục sống chung. Từ giữa năm 2017, anh L1 bỏ nhà đi làm tại khu Công nghiệp Hiệp Phước (Nhà Bè), thành phố Hồ Chí Minh. Chị L yêu cầu được ly hôn với anh L1.

Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung tên Kha Phú Vũ A1, sinh ngày 30/9/2001 và Kha Phương Ngọc A, sinh ngày 28/6/2003. Chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh L1 cấp dưỡng mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng để chị L nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2018 của anh L1, qua số điện thoại 01208.972.081 do chị L cung cấp, anh L1 yêu cầu Tòa án lấy lời khai qua điện thoại được mở loa, có sự chứng kiến của chị L tại Tòa án. Anh L1 khai, anh bỏ địa phương đi từ tháng 11/2017 đến Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh làm ăn do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án, anh đã nhận được thông báo thụ lý số 346/TBTL ngày 09/10/2017 của Tòa án đã tổng đạt tại gia đình nhưng anh không gửi bản tự khai. Anh khai thống nhất lời khai của chị L về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân và về con chung. Thời gian đầu anh và L sống hạnh phúc. Sau đó, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh và chị L có cãi nhau, L1 bỏ nhà đi làm ăn, thỉnh thoảng về thăm nhà. Tình cảm của anh L1 đối với L vẫn còn, mong muốn đoàn tụ gia đình. Không đồng ý ly hôn với L và Yêu cầu vắng mặt hòa giải và xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của các con chung Kha Phương Ngọc A và Kha Phú Vũ A1. Các cháu có lời khai thống nhất: Nếu cha mẹ (L1 và L) ly hôn các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ L.

Tòa án lập biên bản không tiến hành mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải được do anh L1 vắng mặt; Ra thông báo cho anh L1 biết về việc Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ.

Bà L xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác, ông L1 không cung cấp chứng cứ.

Hội đồng xét xử công bố, biên bản lấy lời khai người làm chứng Nguyễn Thị Vũ P (em ruột bà L), biên bản xác minh bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột ông L1); Biên bản xác minh của Công an phường Núi Sam; Biên bản xác minh Ban khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc.

Tại phiên tòa, ông L1 vắng mặt, biên bản lời khai có yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị L khai mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chủ yếu là mâu thuẫn về kinh tế;

còn việc anh L1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác thì L không có chứng cứ chứng minh.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt phù hợp khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án, căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ, xét hỏi và kết quả tranh luận tại phiên tòa nhận thấy, ông L1 và bà L kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2000 nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà L khai, thời gian chung sống bà và ông L1 bất đồng quan điểm sống về kinh tế, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể sống chung nên bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L1.

Lời khai của ông L1, giữa L1 và bà L có cãi nhau do mâu thuẫn về kinh tế khó khăn. Từ tháng 11/2017 đến nay, ông L1 bỏ địa phương đến Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, có về thăm nhà. Tình cảm của L1 đối với L vẫn còn, mong muốn đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn.

Qua xác minh Ban khóm Vĩnh Tây 1, bà Nguyễn Thị Đ đều không biết mâu thuẫn giữa L1 và L.

Tại phiên tòa, bà L cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là do ông L1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ bên ngoài nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, mâu thuẫn giữa vợ chồng còn phát sinh do kinh tế khó khăn.

Nhận thấy giữa bà L và ông L1 cãi nhau do mâu thuẫn chủ yếu phát sinh từ kinh tế gia đình khó khăn; chưa đến mức trầm trọng. Cần cho ông L1 thời gian để hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Yêu cầu khởi kiện của bà L xin ly hôn ly hôn ông L1 là không có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Vũ L khởi kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình với anh Kha Phú L1, địa chỉ: tổ 33, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh D. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Biên bản lời khai ngày 19/01/2019, anh Kha Phú L1 khai thông qua điện thoại, có chứng kiến của chị L xin xét xử vắng mặt và Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt, người làm chứng Nguyễn Thị Vũ P vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân:

Năm 2000, Chị Nguyễn Thị Vũ L và anh Kha Phú L1 kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc (giấy chứng nhận kết hôn số 39/2000 ngày 18/12/2000 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị L khai, thời gian chung sống với anh L1, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, không thể tiếp tục sống chung. Anh L1 bỏ nhà đi từ giữa năm 2017 cho đến nay. Yêu cầu ly hôn với anh L1.

Biên bản lời khai ngày 19/01/2018 của anh L1 thông qua điện thoại số 01208.972.081 có chứng kiến của chị L: Giữa anh L1 và chị L do mâu thuẫn về kinh tế nên anh L1 bỏ nhà đến Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, thỉnh thoảng về thăm gia đình. Tình cảm của L1 đối với L vẫn còn. Yêu cầu đoàn tụ gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Quá trình chung sống, anh L1 và chị L có cãi nhau, anh L1 khai do kinh tế gia đình khó khăn nên ông bỏ nhà đi làm ăn thỉnh thoảng về thăm gia đình, bà L khai do bất đồng quan điểm sống. Qua xác minh tại ban khóm Vĩnh Tây 1 và bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột L1) đều không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của L và L1; L1 đi bỏ địa phương đi đến ngày xác minh hơn 06 tháng. Bà Đồng (mẹ ông L1) và L đều xác định anh L1 bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, L1 có về nhà thăm các con. Lời khai người làm chứng Nguyễn Thị Vũ P (em ruột L) là người thân của L cũng khai do mâu thuẫn về kinh tế nên L1 và L không sống chung. Phù hợp với lời khai của L tại phiên tòa mâu thuẫn giữa L1 và L chủ yếu về kinh tế khó khăn.

Tình trạng vợ chồng của L1 và L chỉ mâu thuẫn về kinh tế, chưa đến mức trầm trọng, cần cho anh L1 thời gian để sửa chữa hàn gắn đoàn tụ gia đình, cùng nhau trồng nôm, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung. Xét, bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị Vũ L xin ly hôn anh Kha Phú L1 theo Điều khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị L và anh L1 khai thống nhất có 02 con chung Kha Phú Vũ A1, sinh ngày 30/9/2001 và Kha Phương Ngọc A, sinh ngày 28/6/2003. Chị L yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi các con chung.

Xét, bác yêu cầu ly hôn của chị L, nên không đề cập giải quyết về con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, không yêu Tòa án không giải quyết, xét không đề cập đến.

[4] Về án phí, Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng mà Chị L đã nộp. Chị L1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về hôn nhân:

Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị Vũ L xin ly hôn anh Kha Phú L1.

[2] Về án phí:

Chị L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2015/0014789 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh L1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh L1 là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết